

Số: 86/2024/QĐST- HNGĐ

Hải Dương, ngày 15 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Minh Tân

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Mỹ Anh: Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp: Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 436/2024/TLST-HNGĐ ngày 01/10/2024 về: *Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*; Theo Quyết định mở phiên họp số 474/2024/QĐMPH-HNGĐ ngày 07/10/2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* Người yêu cầu:

1. Bà **Phạm Thị T**, sinh năm 1965; nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Cộng Hòa Liên Bang Đ.

Người được bà Phạm Thị T ủy quyền giao nhận văn bản tố tụng: Chị **Phạm Thị T1**, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn L, Y, huyện G, tỉnh Hải Dương.

2. Ông **Phạm Văn C**, sinh năm 1963; Địa chỉ: Thôn T, xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương.

(bà T, ông C đều đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn đề nghị giải quyết việc dân sự, bản tự khai của bà T và ông C, cùng các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông C tự do tìm hiểu, tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và cùng chung sống với nhau tại xã G (nay là xã Y), huyện G từ năm 1984. Vợ chồng có ra UBND xã G đăng ký kết hôn nhưng hiện nay

giấy đăng ký kết hôn đã bị thất lạc. Trong suốt thời gian chung sống, bà T và ông C thường không hòa hợp, cuộc sống nhiều bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Đến năm 2024 bà T sang C Liên Bang Đ sinh sống, cuộc sống vợ chồng xa cách, tình cảm vợ chồng phai nhạt dần, không còn quan tâm tới nhau. Nay bà T, ông C đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Ông bà có 3 con chung là Phạm Thị T1 - sinh năm 1985, Phạm Thị H - sinh năm 1989, Phạm Văn C1 - sinh năm 1992. Các con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông C tự nguyện chịu toàn bộ tiền lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật, không đề nghị miễn lệ phí.

Do bà T hiện đang cư trú tại Cộng Hòa Liên Bang Đ nên bà T có đơn xin giải quyết vắng mặt và ủy quyền cho con gái là Phạm Thị T1 thay mặt bà T giao nhận các văn bản tố tụng.

Theo biên bản xác minh tại địa phương thể hiện: Bà T và ông C kết hôn và sinh sống tại địa phương, quá trình chung sống không hòa hợp dẫn đến mâu thuẫn. Nay cả bà T và ông C đều đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết. Về việc đăng ký kết hôn: Bà T, ông C ở thôn T, xã G, huyện G. Năm 2019 xã G được sáp nhập vào xã Y, huyện G. Hệ thống sổ sách lưu trữ về đăng ký kết hôn thời điểm trước năm 1985 không còn lưu trữ tại địa phương.

Tại phiên họp bà T, ông C vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt, đồng thời giữ nguyên yêu cầu giải quyết việc dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương có quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật. Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng giải quyết việc dân sự và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết việc dân sự: Đề nghị áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của bà Phạm Thị T và ông Phạm Văn C; Về con chung, tài sản chung: Không xem xét giải quyết. Về lệ phí: Ông Phạm Văn C tự nguyện chịu cả 300.000đ lệ phí giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Bà Phạm Thị T hiện đang cư trú tại C Liên Bang Đ, đơn xin ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt của bà T đều có xác nhận của Đ tại Đức, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 37 và điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà T và ông C đều có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt nên căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án quyết định mở phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2]. *Về nội dung*:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông C tự do tìm hiểu, cùng chung sống với nhau tại xã G (nay là xã Y), huyện G từ năm 1984 và sinh được 03 người con. Ông C xác định có đăng ký kết hôn nhưng giấy đăng ký kết hôn đã bị thất lạc. Theo xác minh tại địa phương hiện nay không còn hồ sơ lưu trữ việc đăng ký kết hôn trước năm 1985. Do vậy, áp dụng quy định tại Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2010 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2.2] Bà T và ông C đều xác định, trong suốt thời gian chung sống thường không hòa hợp, cuộc sống nhiều bất đồng quan điểm. Đến năm 2024 bà T sang C Liên Bang Đ sinh sống, cuộc sống vợ chồng xa cách, không còn tình cảm. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông C đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai vợ chồng đều tự nguyện ly hôn, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu thuận tình ly hôn của bà T và ông C theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình

[2.3] Về con chung: Ông bà có 3 con chung là Phạm Thị T1 - sinh năm 1985, Phạm Thị H - sinh năm 1989, Phạm Văn C1 - sinh năm 1992. Các con đều đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông C không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Tòa án đã giải thích về việc miễn lệ phí đối với người cao tuổi, tuy nhiên ông Phạm Văn C không yêu cầu và tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân và gia đình).

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2010 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 29, Điều 149, Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà **Phạm Thị T** và ông **Phạm Văn C**.

2. Về lệ phí: Ông Phạm Văn C tự nguyện chịu cả 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự (về Hôn nhân và gia đình), được đối trừ số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ theo biên lai thu số 00005129 ngày 1/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- UBND xã Yết Kiêu, huyện Gia Lộc;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên

(đã ký)

Nguyễn Minh Tân